

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK9+TTC2+P10	7:25	0+0+20	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 bk9-ttc2
2		RP1+TD2+RC3	7:25	1+21+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
3		BK4+P2	7:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
4		P8+TD1+GTC1	7:25	16+5+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	
5		P9+BK8	9:25	16+5	0+0		11+11	0+0	
6		P7-P4+TD2	9:25	1+5+15	0+0		1+21	0+0	
7		BK10+PPD	9:25	15+1	0+0		9+13	0+0	
8		BK3+P9+P6	11:25	7+12+0	0+0+0		4+16+1	0+0+0	
9		P1+P11+P10	11:25	0+13+7	0+0+0		0+11+11	0+0+0	chuyen 1 p1-p11
10		RP3+BK4+BK15	11:25	5+6+5	0+0+0		2+10+10	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2023	TO: BK9 - TTC2 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - HTrung - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN PHÚ	P10	66	1	5		75	YTE	Vietnamese
2	BADIKOV M.F.	P10	58	1	3		74	KH-THAC	Russian
3	TRẦN VĂN THẮNG	P10	69	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	75	1	5	25	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THAO	P10					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	63	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	61	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐĂNG HOANG	P10	60	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG SỸ NGUYỄN	P10	67	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	59	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG TRƯỜNG	P10	70	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	68	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	72	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10	65	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	57	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	45	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC ANH	P10	64	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN BAO TOÀN	P10	62	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	56	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX BK9-TTC2
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	0	
3	P10	20	19	91	1.487	25	22		
TOTAL		20	19	91	1.487	25	22		
WEIGHT KG				91	1.487	25			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP1 - TD2 - RC3	CREW: HUNG - N.ANH - Thành	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BẢO TRUNG	RP1	98	1	10	15	65	KH-THAC	Vietnamese
2	VANEEV DMITRIY	TD2	84	1	10		98	KHOAN	Russian
3	GROMOV SERGEY	TD2	86	1	10		88	KHOAN	Russian
4	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	98	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU HONG	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUYỀN	TD2	85	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	81-82	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRUNG THỌ	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	87	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN GIA THẢO	TD2	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ PHÚ	TD2	83	1	5	15	62	KHOAN	Vietnamese
12	TRANG NGỌC HUNG	TD2	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	91	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH DUY HAI	TD2	96-97	2	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	HA VAN LINH	TD2	88	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÀU HUY HOANG	TD2	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TUẤN ANH	TD2	90	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ VĂN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ THẬP TOÀN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ MINH ĐỨC	TD2	93	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	99	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
22	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	89	1	5		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	1	1	10	65	15	0		
2	TD2	21	19	105	1.580	15	21		
3	RC3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	115	1.645	30	22		
WEIGHT KG				115	1.645	30			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2023	TO: BK4 - P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Dương - QTrưởng	ETA: 09:20
vang-1			

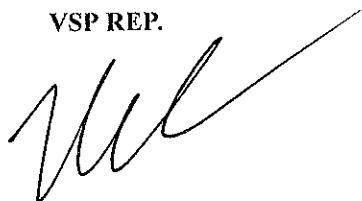
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHÁNH	BK4	29	1	10	35	67	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔNG TRUNG HUY	BK4	30	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK4					78	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ HẠNG	BK4	28	1	3		59	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN THẮNG	BK4					62	NIPI	Vietnamese
6	HỒ CÔNG ANH	P2	98	1	5	90	65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN NAM	P2	96	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG ĐÌNH QUÊ	P2	99	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN NGHỊ	P2	94	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	82,800	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ HỮU LINH	P2	90	1	3		90	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	29	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	91	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THIÊN NAM	P2	92	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HOANG TÂM	P2	95	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	97	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG CÔNG DUY	P2	30-31	2	11		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	P2	32-33	2	11		73	KH-THAC	Vietnamese
21	BIỆN ĐẶNG SÂM	P2	01	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HỮU KHÁNH	P2	93	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	5	3	21	340	35	1		
2	P2	17	18	103	1.221	90	21		
TOTAL		22	21	124	1.561	125	22		
WEIGHT KG				124	1.561	125			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

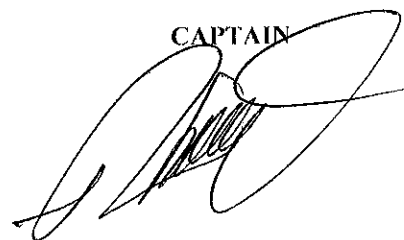
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: P8 - TD1 - GTC1	CREW: LHải - HĐức - HTNam	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	P8					68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY HÙNG	P8	49	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGOC LAM	P8	52-53	2	19		78	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ VĂN DOANH	P8				17	71	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ VĂN HÙNG	P8	50	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ĐAM	P8	48	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN LÊ KIẾN	P8	45	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HAO	P8	54-55	2	7		88	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHÂN	P8	46	1	3		56	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN TUẤN LONG	P8	47	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P8	51	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ NGOC TU	P8	56	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC ĐẠI	P8	60-61	2	19		86	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG VŨ	P8	57	1	16		71	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC HÙNG	P8	58-59	2	19		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DINH AN	P8	62	1	7		55	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN ĐỊNH	TD1	02	1	15		73	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN DƯƠNG	TD1	13-14	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM DUY ĐEN	TD1	11-12	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ QUANG HUNG	TD1	07-08	2	19	20	75	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN KHA	TD1	09-10	2	19		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	16	18	132	1.177	17	15		
2	TD1	5	9	89	347	20	4		
3	GTC1	0	0	0	0	20	3		
TOTAL		21	27	221	1.524	57	22		
WEIGHT KG				221	1.524	57			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: P9 - BK8	CREW: Nam - M.Đức - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	41	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P9	48	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BA KÝ	P9					79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN THANH HOÀI	P9	44	1	6		100	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TẤT THÀNH	P9	45	1	5	15	58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN TUỆ	P9	55	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ LĂNG TÚ	P9	51	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	53	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH THÈ NHÂN	P9	52	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	P9	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUY	P9	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC HẢI	P9	42	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HƯA SẦY	P9	50	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN HÒA	P9	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH HUY KIỆM	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	43	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	VÕ VĂN DUY	BK8	17-19	3	16	40	70	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	16	14	90	1.124	15	11		
2	BK8	1	3	16	70	40	11		
TOTAL		17	17	106	1.194	55	22		
WEIGHT KG				106	1.194	55			

GRAND TOAL: 1.355 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2023	TO: P7 P4 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO - Toàn	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG NGUYEN DUY NHAN	P7- TD2	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TONG VAN DUC	P4	30-31	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
3	CAO MINH CUONG	P4	32-33	2	15	45	90	XAYLAP	Vietnamese
4	LA TUAN LINH	P4	35-36	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN DAT	P4	37	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG NGOC HOAI	P4	34	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUAN	TD2	31	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH VAN TAI	TD2	35	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUNG	TD2	33	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	CU THANH NHAN	TD2	40	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH HOAN	TD2	36	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN TRONG ANH	TD2	34	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	MAKAROV EVGENY	TD2	30	1	12		80	ANTOAN	Russian
14	ĐO TIEN DUNG	TD2	45	1	5		60	DVL	Vietnamese
15	LE THANH TU	TD2	41	1	7		72	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN TIEN XUAN	TD2	38-39	2	10		70	PSV	Vietnamese
17	VU DINH GIANG	TD2	42	1	5		68	PSV	Vietnamese
18	TA VAN HAI	TD2	43	1	5		63	PSV	Vietnamese
19	ĐINH EM	TD2	37	1	5		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VIET TOAN	TD2	44	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	TRAN VAN MINH	TD2	32	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7-TD3	1	1	5	70	0	0		
2	P4	5	8	70	362	45	1		
3	TD2	15	16	86	1.018	0	21		
TOTAL		21	25	161	1.450	45	22		
WEIGHT KG				161	1.450	45			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: BK10 - PPD	CREW: CHIẾN - Dương - QTrưởng	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN CUONG	BK10	948	1	4	40	87	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG CHI TUYEN	BK10	47	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN KHAI	BK10	48-49	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGHIEM XUAN ANH	BK10	42	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	DO TUAN VIET	BK10	43-44	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN CONG HOAN	BK10	35	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE DUY THANG	BK10	56-57	2	20		82	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM THANH DO	BK10	58-60	3	20		90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC THINH	BK10	52-53	2	6		54	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	BK10	40-41	2	11		86	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN HONG DIEP	BK10	39	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
12	TRAN DUONG	BK10	38	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC BIEU	BK10	37	1	12		65	CODIEN	Vietnamese
14	HA MANH HOANG	BK10	36	1	8	56	75	CODIEN	Vietnamese
15	MAI CAO DINH	BK10	45-46	2	15		59	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NHAN	PPD	36-37	2	8	220	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	15	23	160	1.068	96	9		THAO 2 GHE CHO HANG
2	PPD	1	2	8	70	220	11		
TOTAL		16	25	168	1.138	316	20		
WEIGHT KG				168	1.138	316			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 8	TO: BK3 - P9 - P6	CREW: Hạnh - NPhú - DTùng	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG VINH	BK3	65	1	3	110	70	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRẦN VIỆT	BK3	98	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TUẤN ANH	BK3	88,99,3000	3	19	36	63	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC HÙNG	BK3	91	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM MINH VŨ	BK3	92	1	18		80	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TRƯỞNG	BK3	89-90	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	60,97	2	10		60	PSV	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	60	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	61-62	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ TUẤN MẠNH	P9	67	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	57	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	64	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH HIẾN	P9	56	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ NAM GIANG	P9	59	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỞNG AN	P9	63	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI CÔNG THẮNG	P9	58	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	65	1	15		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUANG	P9					72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	66	1	6		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	7	11	87	481	146	4		
2	P9	12	12	87	831	0	16		
3	P6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	23	174	1.312	146	21		
WEIGHT KG				174	1.312	146			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2023	TO: P1 - P11 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:05
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO - Toan	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM HUY DINH	P1	71,75	2	15		61	T-TIN	Vietnamese
2	NGUYEN KIM SON	P11	96	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CUONG	P11	16	1	8	57	80	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO THIÊN THUẬT	P11	97	1	5	16	60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO ĐỨC THAI	P11	99	1	14		89	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH NGOC	P11	98	1	5		102	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TIEN HIỆP	P11	500,14	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P11	94	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUY TOÀN	P11	19-20	2	20		60	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ LY KHANH	P11	95	1	10	30	86	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN DUY QUY	P11	15	1	7		65	PSV	Vietnamese
12	PHAM HONG DIEN	P11	93	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	P11	18	1	4		78	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TUAN	P11	17	1	15		85	DK9	Vietnamese
15	HUYNH CONG VAN	P10	80	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	P10	81	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ NGỌC THANH	P10	77	1	7		57	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NANG	P10	76	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN NGUYEN	P10	75	1	5		73	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐỨC	P10	79	1	9		58	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	78	1	7		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	1	2	15	61	0	041		CHUYEN 1 PAX P1-P11
2	P11	13	15	115	989	123	11		
3	P10	7	7	48	480	0	11		
TOTAL		21	24	178	1.530	123	22		
WEIGHT KG				178	1.530	123			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: RP3 - BK4 - BK15	CREW: QViệt - ĐNam - NNam	ETA: 13:50
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG ANH TÚ	RP3	14	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TUẤN ANH	RP3	15	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NHÂM ĐIỆN BIÊN	RP3	18	1	4		66	NIPI	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỜNG	RP3	13	1	8		79	NIPI	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HOẠT	RP3	16-17	2	12		66	BAKER HU	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	BK4	23	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ HOÀNG NAM	BK4	24	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG VĂN	BK4	25	1	8		69	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	20-21	2	8		68	PSV	Vietnamese
10	LÊ THANH HAI	BK4	22	1	7	40	62	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÊ	BK4	17	1	8		72	PSV	Vietnamese
12	LƯU TIẾN THANH	BK15	87	1	7	30	76	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯƠNG XUÂN THAI	BK15	88-89	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG HOÀNG	BK15	41	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHUNG HÀ TÀI	BK15	42,86	2	14		105	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	BK15	91	1	9		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	6	39	350	0	2		
2	BK4	6	7	51	411	40	10		
3	BK15	5	7	54	395	30	10		
TOTAL		16	20	144	1.156	70	22		
WEIGHT KG				144	1.156	70			

GRAND TOAL: 1.370 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

